

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 171/2004/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH

CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 171/2004/QĐ-TTg NGÀY 28 THÁNG 9 NĂM 2004 VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 22 tháng 6 năm 2000;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ" kèm theo quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

Hằng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo về tình hình thực hiện đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ của cơ quan và địa phương mình tới Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Phan Văn Khải

(Đã ký)

ĐỀ ÁN

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ)

MỞ ĐẦU

Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững đất nước. Đảng và Nhà nước ta đã sớm xác định vai trò then chốt của cách mạng khoa học và kỹ thuật. Trong thời gian qua, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, nhiều văn bản quan trọng về định hướng chiến lược và cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ đã được ban hành: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khoá VIII (1996); Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khoá IX (2002); Luật Khoa học và Công nghệ (2000); Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010 (2003); và nhiều chính sách cụ thể khác về xây dựng tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

Nhờ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và đặc biệt là sự cố gắng của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, hoạt động khoa học và công nghệ đã có bước chuyển biến, đạt được một số tiến bộ và kết quả nhất định, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước.

Tuy nhiên, hoạt động khoa học và công nghệ của nước ta hiện nay vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhất là trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển kinh tế tri thức trên thế giới. Đại hội Đảng lần thứ IX đã chỉ ra những hạn chế cơ bản của hoạt động khoa học và công nghệ hiện nay là: "Chưa thực sự gắn kết với nhu cầu và hoạt động của các ngành kinh tế, xã hội; chậm đưa vào ứng dụng những kết quả đã nghiên cứu được; trình độ khoa học và công nghệ của ta còn thấp nhiều so với các nước xung quanh; năng lực tạo ra công nghệ mới còn rất có hạn. Các cơ quan nghiên cứu khoa học chậm được sắp xếp cho đồng bộ, còn phân tán, thiếu phối hợp, do đó đạt hiệu quả thấp. Các viện nghiên cứu và các doanh nghiệp, các trường đại học chưa gắn kết với nhau. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật thiếu tập trung và dứt điểm cho từng mục tiêu. Cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao tuy còn ít, song chưa được sử dụng tốt."

Mục tiêu của Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010 là: "Tập trung xây dựng nền khoa học và công nghệ nước ta theo hướng hiện đại và hội nhập, phấn đấu đạt trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực vào năm 2010, đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước."

Để đạt được mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ nước ta đến năm 2010, phải đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, tạo bước chuyển biến căn bản trong quản lý khoa học và công nghệ theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ, với yêu cầu chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm nâng cao rõ rệt chất lượng, hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ; tăng cường và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ.

Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ tập trung vào các giải pháp chủ yếu: (1) Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; (2) Đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ; (3) Đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ; (4) Đổi mới cơ chế quản lý nhân lực

khoa học và công nghệ; (5) Phát triển thị trường công nghệ; (6) Hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

I. THỰC TRẠNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN NAY

1. Những đổi mới bước đầu

Cùng với quá trình đổi mới cơ chế kinh tế, trong những năm qua, cơ chế quản lý khoa học và công nghệ từng bước được đổi mới và đạt được một số kết quả bước đầu.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, bám sát hơn các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các chương trình, đề tài Nhà nước được bố trí tập trung hơn, khắc phục một bước tình trạng phân tán, dàn trải, cân đối hơn giữa khoa học tự nhiên và công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn. Cơ chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nguyên tắc cạnh tranh, dân chủ, bình đẳng và công khai bước đầu được áp dụng, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Cơ chế quản lý các tổ chức khoa học và công nghệ đã từng bước được đổi mới theo hướng xã hội hoá và gắn kết với sản xuất, kinh doanh. Các tổ chức và cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ. Phạm vi hoạt động của các tổ chức này được mở rộng từ nghiên cứu, đào tạo, đến sản xuất và dịch vụ khoa học và công nghệ. Đã xuất hiện nhiều tổ chức khoa học và công nghệ ngoài nhà nước, nhiều cơ sở sản xuất trong các viện nghiên cứu, trường đại học, góp phần đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

Cơ chế, chính sách tài chính cho khoa học và công nghệ đã được đổi mới theo hướng tăng dần tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ trong tổng chi ngân sách nhà nước và đa dạng hoá nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Việc cấp kinh phí đến nhà khoa học đã được cải tiến một bước trên cơ sở tuyển chọn theo nguyên tắc cạnh tranh và giảm bớt các khâu trung gian không cần thiết. Quyền tự chủ về tài chính bước đầu được triển khai áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Cơ chế quản lý nhân lực được đổi mới theo hướng mở rộng hơn quyền chủ động cho cán bộ khoa học và công nghệ trong việc ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trong hoạt động kiêm nhiệm và hoạt động hợp tác quốc tế. Chế độ hợp đồng lao động đã được mở rộng hơn đối với các tổ chức khoa học và công nghệ. Đã áp dụng một số hình thức tôn vinh, khen thưởng đối với cán bộ khoa học và công nghệ.

Các thể chế hỗ trợ cho phát triển thị trường công nghệ đã bước đầu được hình thành. Các quy định pháp lý về hợp đồng khoa học và công nghệ, hoạt động chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ đã được ban hành tạo điều kiện cho việc thương mại hoá các thành quả khoa học và công nghệ. Chợ công nghệ - thiết bị đã được tổ chức ở nhiều địa phương và ở phạm vi quốc gia, hình thành kênh giao dịch thị trường thúc đẩy hoạt động mua bán thiết bị và các sản phẩm khoa học và công nghệ.

Việc phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đã được cải tiến một bước thông qua việc hoàn thiện tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Những kết quả đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ vừa qua đã góp phần tạo nên thành tựu chung của nền khoa học và công nghệ được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đánh

giá "... khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ chuyển biến tích cực, gắn bó hơn với phát triển kinh tế, xã hội."

2. Những yếu kém và nguyên nhân

Mặc dù đã có những tiến bộ nhất định, cơ chế quản lý khoa học và công nghệ ở nước ta hiện nay còn chưa được đổi mới cơ bản, còn chưa phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

Việc xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa thực sự xuất phát từ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chưa định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Thiếu cơ chế hữu hiệu khắc phục tình trạng trùng lặp nhiệm vụ khoa học và công nghệ giữa các ngành, các cấp, các địa phương. Tiêu chuẩn lựa chọn và việc lựa chọn chuyên gia tham gia các hội đồng tư vấn để xác định, tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đánh giá kết quả nghiên cứu còn bất cập. Công tác đánh giá kết quả nghiên cứu chưa tương hợp với chuẩn mực quốc tế.

Cơ chế quản lý các tổ chức khoa học và công nghệ chưa phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo và cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thiếu quy hoạch các tổ chức khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Các tổ chức khoa học và công nghệ của Nhà nước chưa được thực hiện đầy đủ quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo và gắn kết giữa nghiên cứu, đào tạo và sản xuất, kinh doanh. Chưa xây dựng được các tiêu chí cụ thể đánh giá chất lượng và hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ nói chung và các tổ chức khoa học và công nghệ nói riêng.

Cơ chế, chính sách tài chính chưa tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ. Cơ chế tài chính còn chưa tạo ra sự tự chủ cao đối với các tổ chức khoa học và công nghệ. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ còn dàn trải, thiếu tập trung cho các lĩnh vực, công trình trọng điểm. Thiếu biện pháp hữu hiệu để huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ. Thiếu các nguồn vốn đầu tư mạo hiểm để khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, kinh doanh.

Cơ chế quản lý cán bộ khoa học và công nghệ chưa tạo động lực để phát huy năng lực sáng tạo của cán bộ khoa học và công nghệ. Chậm chuyển đổi từ chế độ công chức sang chế độ viên chức và hợp đồng, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu chuyển và đổi mới cán bộ. Thiếu cơ chế, biện pháp cụ thể xây dựng và nâng cao vai trò của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đầu ngành và các tập thể khoa học và công nghệ mạnh. Chế độ tiền lương còn bất hợp lý, không khuyến khích cán bộ toàn tâm với sự nghiệp khoa học và công nghệ. Chưa có các chính sách cụ thể khuyến khích mạnh lực lượng khoa học và công nghệ ngoài nước tham gia đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Thị trường công nghệ còn nhỏ bé, chậm phát triển. Hoạt động mua, bán công nghệ và lưu thông các kết quả nghiên cứu còn rất hạn chế do thiếu nhiều tác nhân quan trọng, các yếu tố cấu thành thị trường và các quy định pháp lý cần thiết.

Phần lớn các kết quả nghiên cứu còn dừng ở phạm vi phòng thí nghiệm, chưa tạo ra được nhiều công nghệ hoàn chỉnh có thể thương mại hoá. Chưa chú trọng việc mua sáng chế công nghệ của các nước tiên tiến để đổi mới công nghệ.

Quy định về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ chưa khuyến khích các tổ chức thực hiện nghiên cứu quan tâm khai thác, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu được tạo ra bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước. Hiệu lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ thấp. Năng lực của các tổ chức trung gian, môi giới công nghệ còn yếu chưa thật sự đáp ứng vai trò cầu nối giữa cung và cầu.

Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ còn chưa đổi mới kịp với yêu cầu chuyển sang kinh tế thị trường. Thiếu cơ chế cụ thể để điều phối hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động khoa học và công nghệ còn thiếu, chưa cụ thể, thiếu đồng bộ, lạc hậu so với thực tiễn, nhiều quy định không khả thi. Thiếu phân công, phân cấp rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm giữa các Bộ, ngành và giữa trung ương với địa phương.

Những yếu kém nêu trên là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Một là, quan điểm khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực phát triển đất nước đã được khẳng định trong các Nghị quyết của Đảng, nhưng chưa được quán triệt đầy đủ để chuyển thành hành động thực tế của các cấp chính quyền, các Bộ, ngành, địa phương trong xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ về phát triển khoa học và công nghệ chậm được thể chế hoá bằng các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng nhu cầu đổi mới trong thực tiễn; lãnh đạo các cấp thiếu kiên trì, kiên quyết trong tổ chức và chỉ đạo thực hiện đổi mới quản lý khoa học và công nghệ.

Hai là, chậm đổi mới tư duy, phương pháp quản lý khoa học và công nghệ trong điều kiện chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Chưa làm rõ trách nhiệm của Nhà nước về đầu tư phát triển đối với một số hoạt động khoa học và công nghệ như nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu mang tính công ích, nghiên cứu chiến lược, chính sách phát triển v.v...; chưa có cơ chế, chính sách phù hợp đối với các hoạt động khoa học và công nghệ cần và có thể vận dụng cơ chế thị trường như hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ.

Chưa tách biệt quản lý hành chính nhà nước với hoạt động sự nghiệp dẫn đến tình trạng các cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Thiếu cơ chế hữu hiệu về thanh tra, kiểm tra và quy định trách nhiệm rõ ràng trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Ba là, chưa coi trọng tổng kết thực tiễn các điển hình tiên tiến. Trong những năm gần đây, với sự năng động sáng tạo của các tổ chức khoa học và công nghệ, đã xuất hiện nhiều điển hình tốt về gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với sản xuất, nhưng chưa được tổng kết kịp thời để nhân rộng.

Bốn là, cơ chế quản lý kinh tế hiện nay còn duy trì sự bao cấp gián tiếp của Nhà nước thông qua các ưu đãi, độc quyền trong nhiều lĩnh vực, khiến cho các doanh nghiệp nhà nước ít quan tâm đến nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh. Năng lực khoa học và công nghệ của doanh nghiệp còn bất cập, thiếu đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp làm cầu nối cho ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất. Hệ thống tài chính, tiền tệ kém phát triển cũng không tạo điều kiện cho doanh nghiệp tự huy động được nguồn vốn để đầu tư cho khoa học và công nghệ.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Từ nay đến năm 2010, tiếp tục đổi mới, tạo bước chuyển biến cơ bản trong quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với yêu cầu chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ, nhằm nâng cao rõ rệt chất lượng, hiệu quả hoạt động và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển bền vững với tốc độ nhanh của đất nước.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.
- Hoàn thiện cơ chế xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và cơ chế đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ dựa trên tiêu chuẩn chất lượng khoa học và hiệu quả kinh tế - xã hội.
- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; hoàn thành việc thí điểm và tổng kết rút kinh nghiệm để nhân rộng việc chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.
- Phấn đấu đạt tỷ lệ 50/50 giữa kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và nguồn ngoài ngân sách nhà nước trên cơ sở áp dụng các biện pháp hữu hiệu đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ; đổi mới cơ bản cơ chế tài chính tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.
- Hoàn thành cơ bản các thể chế hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ, thúc đẩy mua bán, chuyển giao và đổi mới công nghệ.
- Thực hiện các chính sách trọng dụng, tôn vinh nhân tài trong hoạt động khoa học và công nghệ.
- Thực hiện cải cách hành chính, phân công, phân cấp và nâng cao vai trò điều phối của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

2. Quan điểm

Việc đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ cần thực hiện theo các quan điểm sau đây:

- a) Chuyển mạnh quản lý khoa học và công nghệ từ cơ chế hành chính, bao cấp sang cơ chế thị trường; tách biệt quản lý giữa khu vực hành chính và khu vực sự nghiệp trong hệ thống khoa học và công nghệ.
- b) Đẩy mạnh xã hội hoá, tạo môi trường bình đẳng cho mọi tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.
- c) Gắn kết chặt chẽ sản xuất, kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo; doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ.
- d) Phát huy dân chủ, nâng cao tính sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, đặc biệt là trong khoa học xã hội và nhân văn.
- đ) Đẩy mạnh hội nhập, hợp tác quốc tế hoạt động khoa học và công nghệ, tiếp thu có chọn lọc tri thức khoa học, chuyển giao công nghệ, thu hút nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển khoa học và công nghệ.

3. Nguyên tắc

Việc đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ trong thời gian tới phải đảm bảo các nguyên tắc chủ yếu sau:

a) Bảo đảm sự đồng bộ giữa đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xã hội.

b) Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách rõ ràng và nhất quán, bảo đảm sự điều hoà, phối hợp, phân công, phân cấp và quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn giữa các Bộ, ngành, địa phương trong quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

c) Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực mạnh mẽ về vật chất và tinh thần cho các tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong điều kiện kinh tế thị trường.

d) Lấy chất lượng khoa học - công nghệ và hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ; tiến tới các tiêu chuẩn đánh giá của quốc tế.

đ) Bảo đảm tính khả thi, coi trọng tổng kết thực tiễn trong quá trình thực hiện.

III. CÁC GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải xuất phát từ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia, của các ngành, địa phương ở mỗi thời kỳ.

a) Phân công, phân cấp rõ ràng trong xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Chính phủ quyết định các định hướng phát triển khoa học và công nghệ trọng điểm làm cơ sở xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước, có tầm quan trọng quốc gia, mang tính liên ngành và dài hạn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia. Thủ tướng Chính phủ quyết định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước, các nhiệm vụ khoa học - công nghệ phục vụ trực tiếp cho sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ này, lồng ghép với các chương trình kinh tế - xã hội.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển của mình, không trùng lặp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước. Cơ quan quản lý khoa học và công nghệ thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu mang tính ứng dụng, phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ quan quản lý khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương.

Các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà nước, tự chủ trong việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức mình.

Tăng cường sự điều phối của Chính phủ trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tránh sự chồng chéo và trùng lặp. Bộ Khoa học và Công nghệ giúp Chính phủ tổ chức thực hiện việc điều phối này.

b) Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà nước

Xác định rõ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu tiên ở các cấp. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp tổ chức việc trao đổi giữa các viện, trường, doanh nghiệp và cơ quan hoạch định chính sách để xác định các nhiệm vụ ưu tiên.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang tính ứng dụng, xuất phát từ nhu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các sản phẩm, thực hiện cơ chế liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với cơ sở áp dụng kết quả nghiên cứu trong toàn bộ quá trình từ xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, đánh giá và đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Áp dụng rộng rãi phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế cạnh tranh, công khai, dân chủ. Việc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được thực hiện công khai dựa trên các tiêu chí lựa chọn rõ ràng. Hoàn thiện quy chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đổi mới căn bản công tác đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ dựa trên những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu: đối với nghiên cứu cơ bản phải đánh giá bằng chất lượng khoa học phù hợp với chuẩn mực quốc tế; đối với nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội của việc ứng dụng trong thực tiễn làm tiêu chuẩn chủ yếu.

Hoàn thiện các quy định về thành lập và hoạt động của các hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bảo đảm tính độc lập và khách quan của hội đồng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia đánh giá, tiêu chuẩn thành viên và cơ cấu hội đồng phù hợp với từng loại hình nghiên cứu.

c) Đưa nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống

Cơ quan quản lý khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm xây dựng và bảo đảm thực hiện cơ chế đưa nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ áp dụng vào thực tiễn. Tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thực hiện các quy định về lưu giữ, bảo mật, phổ biến và sử dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có trách nhiệm đầu tư cho nghiên cứu và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhà nước ban hành các chính sách khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đổi mới công nghệ.

2. Đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ

Đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; xây dựng một số tổ chức khoa học và công nghệ của Nhà nước đạt trình độ tiên tiến trong khu vực thuộc các lĩnh vực trọng điểm được xác định trong

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2010; tăng cường mối liên kết giữa nghiên cứu - đào tạo - sản xuất.

a) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức khoa học và công nghệ của Nhà nước hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách, nghiên cứu các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm và một số lĩnh vực khác do Nhà nước quy định

Tự chủ về hoạt động khoa học và công nghệ: các tổ chức khoa học và công nghệ phải có trách nhiệm thực hiện tốt các nhiệm vụ Nhà nước giao; đồng thời tự chủ tiến hành các hoạt động khoa học và công nghệ khác theo quy định của pháp luật (liên kết, hợp tác, ký hợp đồng nghiên cứu và dịch vụ khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ v.v...).

Tự chủ về tài chính: Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao theo phương thức khoán chi quỹ lương, hoạt động bộ máy và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Các tổ chức này được tự chủ trong việc sử dụng các nguồn thu khác từ hợp đồng khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài.

Tự chủ về quản lý nhân sự: thực hiện phân cấp và trao quyền tự chủ nhân sự cho tổ chức khoa học và công nghệ của Nhà nước trên cơ sở thực hiện chế độ viên chức và hợp đồng lao động đối với cán bộ khoa học và công nghệ. Cơ chế tự chủ về quản lý nhân sự được quy định cụ thể trong mục 4 "Đổi mới quản lý nhân lực khoa học và công nghệ" dưới đây.

Tự chủ về quan hệ hợp tác quốc tế: phân cấp mạnh hơn nữa cho các tổ chức khoa học và công nghệ trong việc cử cán bộ khoa học và công nghệ ra nước ngoài, thuê chuyên gia nước ngoài thực hiện nghiên cứu, đào tạo, tư vấn khoa học và công nghệ và đảm nhiệm chức vụ quản lý trong các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc các lĩnh vực do Nhà nước quy định.

Nhà nước giao cho người đứng đầu các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện quyền tự chủ và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của tổ chức.

b) Chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp

Chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ có sản phẩm gắn với thị trường sang hoạt động theo một trong các hình thức sau: doanh nghiệp khoa học và công nghệ; doanh nghiệp; tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ có quyền và nghĩa vụ sau đây:

Về chức năng nhiệm vụ:

- Thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Giáo dục và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tổ chức sản xuất và kinh doanh *sản phẩm mới, dịch vụ khoa học công nghệ* dựa trên kết quả nghiên cứu và phát triển theo Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước.

Về tổ chức:

Các doanh nghiệp khoa học và công nghệ được tổ chức theo loại hình Công ty có nhiều hình thức sở hữu (nhà nước, tập thể, tư nhân) hoặc theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với cơ cấu gồm:

- Các đơn vị nghiên cứu và phát triển có chức năng nghiên cứu phát triển công nghệ; tiếp nhận, thích nghi công nghệ mới và tổ chức chuyển giao công nghệ này vào các đơn vị sản xuất - kinh doanh bên trong hoặc bên ngoài doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Giá trị sáng chế và giá trị công nghệ chuyển giao của các đơn vị nghiên cứu và phát triển được tính vào vốn điều lệ khi thành lập các đơn vị sản xuất - kinh doanh hoặc liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

- Các đơn vị sản xuất - kinh doanh được tổ chức dưới dạng các loại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

Bộ máy tổ chức và cơ chế quản lý của doanh nghiệp khoa học và công nghệ được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của loại hình doanh nghiệp này.

Về quản lý tài sản và tài chính:

- Nhà nước giao quyền sử dụng và quản lý toàn bộ tài sản cho các doanh nghiệp khoa học và công nghệ chuyển đổi từ các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ theo quy định hiện hành của pháp luật về giao tài sản cho doanh nghiệp nhà nước.

- Doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải trích ít nhất 2% doanh thu để đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, kể từ khi có thu nhập và được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật. Nhà nước hỗ trợ một phần quỹ lương và hoạt động bộ máy trong 3 năm kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hỗ trợ một phần vốn cố định và lưu động khi thành lập các công ty sản xuất - kinh doanh trực thuộc; có chính sách hỗ trợ cán bộ khoa học và công nghệ, viên chức trong khi chờ việc, chuyển chuyển, đào tạo lại, thôi việc v.v...

Về quản lý nhân lực và quan hệ hợp tác, liên kết:

- Tự chủ trong việc ký kết hợp đồng lao động đối với cán bộ, viên chức theo Luật Lao động, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ động thực hiện các quan hệ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, kinh tế, thương mại theo quy định của pháp luật.

Tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chuyển sang hình thức doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí:

Tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chuyển sang hình thức doanh nghiệp, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp. Các tổ chức chuyển đổi sang hình thức doanh nghiệp được giao tài sản như đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ và hưởng các ưu đãi về thuế, phí, lệ phí và các ưu đãi khác như đối với doanh nghiệp mới thành lập.

Tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí hoạt động theo Luật Khoa học và Công nghệ. Các tổ chức chuyển đổi này được Nhà nước giao toàn bộ tài sản, được hỗ trợ quỹ lương và hoạt động bộ máy kể từ khi có quyết định chuyển đổi. Mức và thời gian hỗ trợ quỹ lương và hoạt động bộ máy được căn cứ vào kết quả đánh giá của cơ quan quản lý khoa học và công nghệ có thẩm quyền về chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức chuyển đổi này.

Việc chuyển đổi các tổ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hình thức doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí phải được tiến hành từng bước, có thí điểm, tổng kết, rút kinh nghiệm để nhân rộng.

c) Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ cao

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ cao là doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ cao, đáp ứng các điều kiện do Nhà nước định kỳ công bố.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ, tập thể và cá nhân nhà khoa học thành lập, liên doanh với doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ cao thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm, đầu tư hạ tầng cơ sở.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ cao được áp dụng các ưu đãi như đối với các doanh nghiệp công nghệ cao tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện đánh giá định kỳ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước

Nhà nước quy định chế độ tự đánh giá và bên ngoài đánh giá định kỳ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước theo các tiêu chuẩn phù hợp với chuẩn mực quốc tế để nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí đầu tư.

Nghiên cứu hình thành loại hình *tổ chức đánh giá khoa học và công nghệ độc lập* có chức năng nghiên cứu phương pháp và tổ chức thực hiện việc đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ, đánh giá các tổ chức khoa học và công nghệ, phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và quản lý khoa học và công nghệ và bảo đảm tính khách quan trong việc đánh giá.

đ) Phát huy chức năng và nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học và công nghệ của các trường đại học

Nhà nước tăng đầu tư nghiên cứu khoa học và công nghệ cho các trường đại học: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ, tăng kinh phí nghiên cứu và phát triển, đặc biệt là nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng.

Quy định định mức nghiên cứu khoa học, kết quả nghiên cứu được công bố đối với cán bộ giảng dạy của các trường đại học phù hợp với chức danh.

Xây dựng cơ chế liên kết giữa trường đại học và tổ chức nghiên cứu và phát triển: xây dựng và thực hiện các quy chế về kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo và chuyên môn đối với các tổ chức nghiên cứu và phát triển và các trường đại học, về khuyến khích cán bộ nghiên cứu thuộc các tổ chức nghiên cứu và phát triển tham gia giảng dạy, về dùng chung phòng thí nghiệm và thiết bị phục vụ nghiên cứu và giảng dạy.

Đẩy mạnh liên kết giữa trường đại học đối với cơ sở sản xuất, doanh nghiệp: các trường đại học thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà nước và ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ, chuyển giao kết quả nghiên cứu với các tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các trường đại học công nghệ thực hiện nhiệm vụ ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khoa học và công nghệ để sớm hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

3. Đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ

Đổi mới cơ chế, chính sách tài chính nhằm: tăng nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học và công nghệ; nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho khoa học và công nghệ; tạo động lực cho tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

a) Đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh:

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế và chính sách tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ quy định trong Nghị định số 119/1999/NĐ-CP của Chính phủ.
- Khuyến khích doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu phục vụ đổi mới công nghệ và sản phẩm; doanh nghiệp được khấu hao nhanh đối với tài sản, thiết bị, máy móc; được vay vốn với lãi suất ưu đãi tại Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tiến hành hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

Khuyến khích thành lập các loại quỹ phát triển khoa học và công nghệ:

Nhanh chóng đưa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia vào hoạt động; triển khai thành lập các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Tăng cường khai thác các nguồn vốn từ hợp tác quốc tế cho phát triển khoa học và công nghệ:

- Nhà nước tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức khoa học và công nghệ khai thác nguồn vốn ngoài nước từ hoạt động hợp tác quốc tế bằng nhiều hình thức khác nhau: hợp tác nghiên cứu, đào tạo song phương, đa phương; khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam dưới nhiều hình thức (hợp tác, liên kết giữa bên Việt Nam và các bên nước ngoài; các tổ chức khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài...).
- Ưu tiên nguồn vốn ODA đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia, như: các tổ chức nghiên cứu và phát triển trọng điểm, các phòng thí nghiệm trọng điểm, các khu công nghệ cao.

b) Đổi mới chính sách đầu tư và cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ

Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm được xác định trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách và những lĩnh vực công ích do Nhà nước quy định. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp tăng đầu tư vào các lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ.

Nhà nước tập trung đầu tư đồng bộ giữa hạ tầng cơ sở, trang thiết bị với đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ, đối với việc xây dựng một số tổ chức nghiên cứu và phát triển đạt trình độ hiện đại, tiên tiến; đồng thời áp dụng chế độ ưu đãi đặc biệt (về nhà ở, điều kiện làm việc, chế độ thu nhập, xuất nhập cảnh thuận lợi...) để thu hút chuyên gia giỏi trong nước và nước ngoài tới làm việc tại các tổ chức này.

Dành kinh phí cần thiết cho các khâu hình thành, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện đề tài, dự án; kiểm tra và đánh giá định kỳ kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu và hỗ trợ ứng dụng kết

quả nghiên cứu vào thực tiễn để đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan thông nhất việc xây dựng cơ cấu phân bổ ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ, trình Chính phủ phê duyệt.

c) Hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn tài chính tạo động lực cho hoạt động khoa học và công nghệ

Điều chỉnh những điểm bất hợp lý về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trong quá trình thực hiện Nghị định số 10/2002/NĐ-CP của Chính phủ. Không giới hạn mức thu nhập của cán bộ, viên chức trong các tổ chức khoa học và công nghệ. Ban hành cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức khoa học và công nghệ của Nhà nước có mức thu thấp hoặc không có thu.

Áp dụng cơ chế khoán đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong một số lĩnh vực khoa học và công nghệ trên cơ sở thẩm định kỹ về nội dung, sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí thực hiện. Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ phải căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng sản phẩm nghiên cứu là chủ yếu; bãi bỏ các thủ tục thanh, quyết toán không còn phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Quy định về việc trích lập Quỹ khen thưởng từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để khen thưởng thỏa đáng đối với tổ chức, cá nhân có kết quả nghiên cứu được ứng dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Nhà nước dành một khoản kinh phí hỗ trợ đăng ký bằng sáng chế, giải pháp hữu ích của người Việt Nam; kinh phí để mua sáng chế công nghệ từ các nước phát triển.

Tăng đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa và các vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn.

4.Đổi mới cơ chế quản lý nhân lực khoa học và công nghệ

Đổi mới cơ chế quản lý nhân lực khoa học và công nghệ nhằm phát huy tối đa tiềm năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ; tạo động lực vật chất và tinh thần, thực hiện chế độ thù lao, đãi ngộ theo mức độ cống hiến và các chính sách khuyến khích khác đối với cán bộ khoa học và công nghệ.

a) Tăng quyền tự chủ về quản lý nhân lực của các tổ chức khoa học và công nghệ

Triển khai thực hiện chế độ viên chức, chế độ hợp đồng theo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức năm 2003 và Nghị định số 116/2003/NĐ-CP. Kịp thời điều chỉnh những điểm bất hợp lý trong quá trình thực hiện nghị định này.

Tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức khoa học và công nghệ trong quản lý nhân lực khoa học và công nghệ: quyền tuyển dụng, đào tạo, bố trí sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thôi việc, xếp lương, đãi ngộ đối với cán bộ, viên chức. Thực hiện cơ chế giám sát việc thực thi quyền và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ.

Ban hành chế độ quản lý nhân lực đối với các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chuyển sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí; chế độ bảo hiểm thôi việc đối với cán bộ khoa học và công nghệ.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ khoa học và công nghệ

Ban hành chính sách trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ tài năng; sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ giỏi; khuyến khích và thu hút người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia phát triển khoa học và công nghệ của đất nước. áp dụng mức thu nhập đặc biệt đối với cán bộ chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tầm quan trọng đặc biệt trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội. Cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ, năng lực chuyên môn ngang bằng chuyên gia nước ngoài, cùng vị trí công tác trong các dự án hợp tác, được hưởng mức thu nhập tương đương với mức thu nhập bình quân do các tổ chức quốc tế, nước ngoài trả cho người Việt Nam.

Ban hành tiêu chuẩn và quy chế bổ nhiệm chức vụ khoa học và công nghệ đối với cán bộ khoa học và công nghệ và điều chỉnh chế độ lương phù hợp với chức vụ khoa học và công nghệ.

Ban hành tiêu chuẩn và chế độ đánh giá định kỳ đối với cán bộ khoa học và công nghệ. Thực hiện nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ khoa học hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có thành tích trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ.

c) Tăng cường đào tạo và đào tạo lại nhân lực khoa học và công nghệ

Dành một khoản kinh phí thích đáng để đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao, kỹ thuật viên lành nghề phục vụ cho các ngành kinh tế trọng điểm và các lĩnh vực công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và thu hút đầu tư nước ngoài; định kỳ đào tạo lại cho cán bộ khoa học và công nghệ để cập nhật kiến thức và kỹ năng mới. Đẩy mạnh đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ tại các cơ sở đào tạo nước ngoài có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến; có cơ chế, chính sách sử dụng có hiệu quả cán bộ khoa học và công nghệ sau khi đào tạo.

Tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích mở các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế hoặc khu vực tại Việt Nam. Thu hút các viện nghiên cứu, trường đại học có uy tín của nước ngoài liên kết hoặc mở phân viện, phân hiệu hoặc tổ chức các chương trình đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ tại Việt Nam. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

d) Thu hút chuyên gia nước ngoài phục vụ phát triển khoa học và công nghệ

Ban hành chính sách thu hút chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tới Việt Nam tham gia công tác đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, giữ các chức vụ quản lý nghiên cứu khoa học và công nghệ.

5. Phát triển thị trường công nghệ

a) Gắn kết đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế, xã hội với thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống

Xây dựng chương trình liên kết giữa khoa học và công nghệ với đào tạo và sản xuất, kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý, hiện đại hoá, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực hiện việc lấy ý kiến phản biện của các nhà khoa học đối với chủ trương, chính sách, các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế, xã hội. Xây dựng cơ chế lồng ghép các nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Cải cách mạnh mẽ doanh nghiệp nhà nước theo hướng đẩy mạnh quá trình cổ phần hoá, không áp dụng các biện pháp khoan nợ, dẫn nợ đối với doanh nghiệp. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm thực sự đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh và xem xét hiệu quả khi lựa chọn công nghệ. Ban hành các chính sách về kiểm soát độc quyền, giải thể, phá sản doanh nghiệp đồng thời đẩy nhanh quá trình chủ động hội nhập quốc tế tạo sức ép thúc đẩy các doanh nghiệp áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, đổi mới sản phẩm.

b) Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hoá của các sản phẩm khoa học và công nghệ

Dành tỷ lệ thích đáng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hoá. Xây dựng cơ chế đánh giá sau nghiệm thu và cơ chế hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện và thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu.

Hình thành các tổ chức tư vấn, giám định về chất lượng và giá cả của công nghệ trước khi chuyển giao hoặc bán cho sản xuất công nghiệp.

c) Phát triển các tổ chức trung gian, môi giới công nghệ

Phát triển các tổ chức môi giới công nghệ, tư vấn chuyên giao công nghệ, các tổ chức cung cấp thông tin thị trường công nghệ; hình thành các tổ chức xúc tiến thị trường công nghệ; tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh các dịch vụ môi giới về thị trường công nghệ.

d) Hoàn thiện và nâng cao hiệu lực của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ

Hoàn thiện hệ thống pháp luật cho thị trường công nghệ. rà soát, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan tới sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Sớm ban hành hai luật chuyên ngành về sở hữu trí tuệ và về chuyển giao công nghệ.

Quy định rõ cơ chế khuyến khích chuyển giao kết quả nghiên cứu có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước theo hướng trao quyền sử dụng cho tổ chức thực hiện nghiên cứu trong một thời gian hợp lý để khai thác, thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Quy định rõ về thời hạn sử dụng, nghĩa vụ và lợi ích của tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng, đặc biệt khi kết quả nghiên cứu có giá trị kinh tế, xã hội lớn. Sau thời hạn quy định, nếu kết quả nghiên cứu không được áp dụng thực tiễn hoặc thương mại hoá, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền sử dụng dưới dạng hàng hoá, dịch vụ công.

Thể chế hoá việc các tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ góp vốn cho doanh nghiệp bằng bản quyền đối với kết quả nghiên cứu hoặc các hình thức sở hữu trí tuệ khác.

Các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ hỗ trợ tổ chức, cá nhân người Việt Nam về thủ tục, lệ phí đăng ký bằng phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ ở trong nước và bảo hộ ở nước ngoài; thành lập các văn phòng tư vấn hỗ trợ về đăng ký và thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại các tổ chức khoa học và công nghệ có năng lực về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi pháp luật về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và trong nhân dân. Quy định khung hình phạt có hiệu lực để ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

6. Hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

Thực hiện cải cách hành chính trong cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng tập trung vào nhiệm vụ quản lý nhà nước, tách nhiệm vụ sự nghiệp ra khỏi cơ quan hành chính, tăng cường chức năng giám sát, kiểm tra. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ nhân lực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

Tăng cường sự điều phối của Chính phủ để tạo sự gắn kết các hoạt động khoa học và công nghệ với các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh. Thực hiện sự phân công, phân cấp rõ ràng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm về quản lý khoa học và công nghệ giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ:

a) Chính phủ: thông qua chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, các định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ từng thời kỳ, xác định những nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Nhà nước; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi thẩm quyền của Chính phủ về khoa học và công nghệ; trình Quốc hội thông qua ngân sách dành cho khoa học và công nghệ hàng năm.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ: chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ để trình Chính phủ; tổng hợp và cung cấp thông tin về các định hướng, xu thế phát triển khoa học và công nghệ trên thế giới và của Việt Nam cho các Bộ, ngành và địa phương; cân đối và phân bổ phần ngân sách nhà nước dành cho hoạt động khoa học và công nghệ; quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia và áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; tổ chức đánh giá tiềm lực, trình độ khoa học và công nghệ của đất nước; thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động khoa học và công nghệ.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đưa kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ thành một nội dung của kế hoạch định kỳ phát triển kinh tế - xã hội của các Bộ, cơ quan và địa phương; dự báo, cân đối các nguồn lực đầu tư phát triển khoa học và công nghệ trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kể cả nguồn vốn ODA và nguồn vốn huy động khác ngoài nhà nước; cân đối tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học và công nghệ; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ phân bổ vốn cho các công trình xây dựng cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

d) Bộ Tài chính: chịu trách nhiệm cân đối ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ trong tổng dự toán ngân sách nhà nước; đảm bảo cấp phát đủ, đúng tiến độ ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ đã được phê duyệt; chủ trì hoặc tham gia xây dựng các cơ chế, chính sách cụ thể về tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ.

đ) Bộ Giáo dục và Đào tạo: chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và trình Chính phủ quyết định kế hoạch và các cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho khoa học và công nghệ và tăng cường công tác nghiên cứu trong các trường đại học.

e) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và trình Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách liên quan tới nhân lực khoa học và công nghệ và hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ.

g) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đối với ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực mình.

h) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương; cụ thể hoá và vận dụng cơ chế, chính sách, định hướng phát triển khoa học và công nghệ chung của đất nước phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương nhằm đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

i) Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư và hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi được phân công, phân cấp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, định kỳ 1 năm một lần báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Từ nay đến cuối năm 2005, các Bộ và cơ quan có liên quan có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan soạn thảo:

- Đề án phát triển thị trường công nghệ (trình Thủ tướng Chính phủ cuối năm 2004).

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các tổ chức khoa học và công nghệ (trình Thủ tướng Chính phủ quý I năm 2005).

- Nghị định của Chính phủ về đổi mới công tác kế hoạch hoá khoa học và công nghệ (trình Chính phủ quý II năm 2005).

- Đề án chuyển đổi các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp (trình Thủ tướng Chính phủ quý II năm 2005).

- Đề án phát triển các tổ chức trung gian, môi giới công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị, sàn giao dịch công nghệ ở cấp địa phương và quy mô cả nước (trình Thủ tướng Chính phủ quý III năm 2005).

b) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo:

- Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (trình Chính phủ quý IV năm 2004).

- Đề án về chính sách khen thưởng, đãi ngộ, trọng dụng và tôn vinh nhân tài khoa học và công nghệ (trình Thủ tướng Chính phủ quý I năm 2005).

- Đề án về chính sách thu hút chuyên gia giỏi là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài phục vụ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam (trình Thủ tướng Chính phủ quý II năm 2005).

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo:

- Thông tư liên tịch về áp dụng cơ chế khoán chi tài chính cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (quý II năm 2005).

- Đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ cao (trình Thủ tướng Chính phủ quý III năm 2005).

d) Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành có liên quan soạn thảo:

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới khoa học và công nghệ để kiến nghị, bổ sung, sửa đổi và bãi bỏ phù hợp với những nội dung của Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ (trình Thủ tướng Chính phủ quý I năm 2005).

đ) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Xây dựng Chương trình liên kết khoa học và công nghệ với đào tạo và sản xuất, kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý, hiện đại hoá, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế (trình Thủ tướng Chính phủ quý IV năm 2004).

- Tiến hành phân loại, xây dựng danh mục, kế hoạch với lộ trình cụ thể để chuyển đổi các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ trực thuộc sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ (báo cáo Thủ tướng Chính phủ quý IV năm 2004).

3. Từ năm 2006 đến 2010:

Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các Đề án nói trên; đến năm 2007 tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm và kiến nghị phương hướng đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ trong những năm tiếp theo; đến năm 2010 tổng kết việc thực hiện Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

4. Kinh phí để thực hiện Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn khác. Hàng năm Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất cân đối kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện Đề án.